CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Du lịch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Ngày 31/12/2025	7,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-6.7%	**-6.7%**	**-9.1%**

DT thuần
Q4/25
5.85
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.81| -32.4%
YoY: ▲ 1.51| 34.9%

LN thuần
Q4/25
-1.63
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.29| -380%
YoY: ▲ 4.48| 73.3%

LN sau thuế
Q4/25
-2.55
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.43| -2022%
YoY: ▲ 0.34| 11.9%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
-29.9%
YoY: +/-▼ 54.4%

ROE
2025
-5.6%
YoY: +/-▼ 8.9%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,500 - 11,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	131
Số lượng CPLH (CP)	18,644,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.24
EPS	-488
P/E	-14.3

DT thuần
2025
28.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.10| 8.1%

LN thuần
2025
-10.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.20| 43.5%

LN sau thuế
2025
-8.65
tỷ VNĐ
YoY: ▼14.8| -242%

Cơ cấu sở hữu

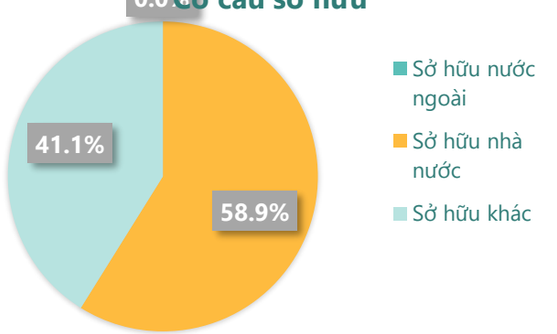

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

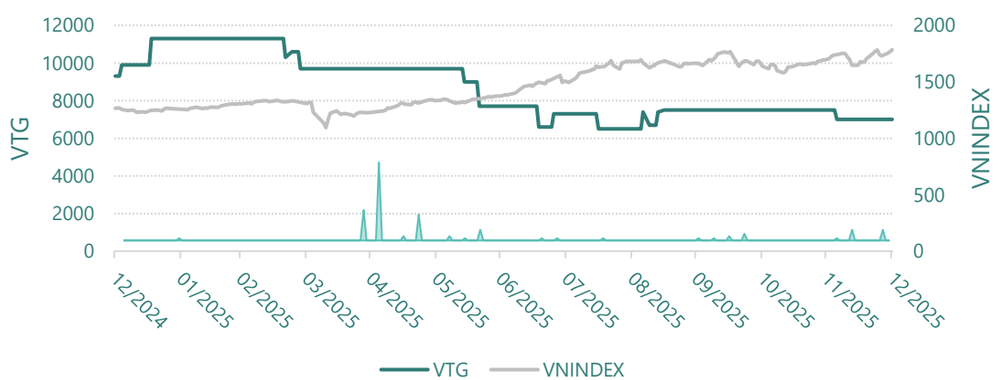

Cơ cấu cổ đông

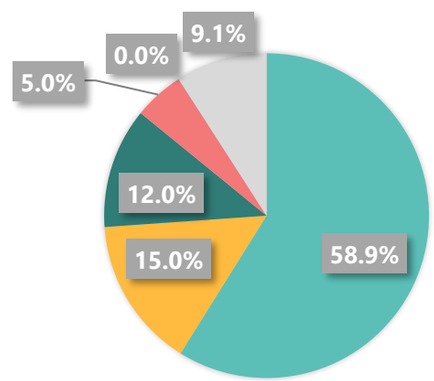

- UBND Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và Dịch vụ du lịch Hải An
- Công ty TNHH Thương mại - Du lịch Ngọc Lâm
- Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ thương mại An Khang
- Nguyễn Hồng Ân
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

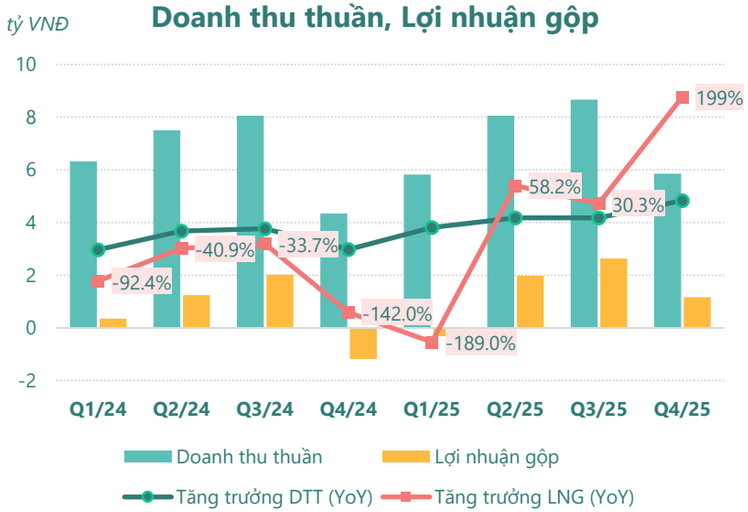

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

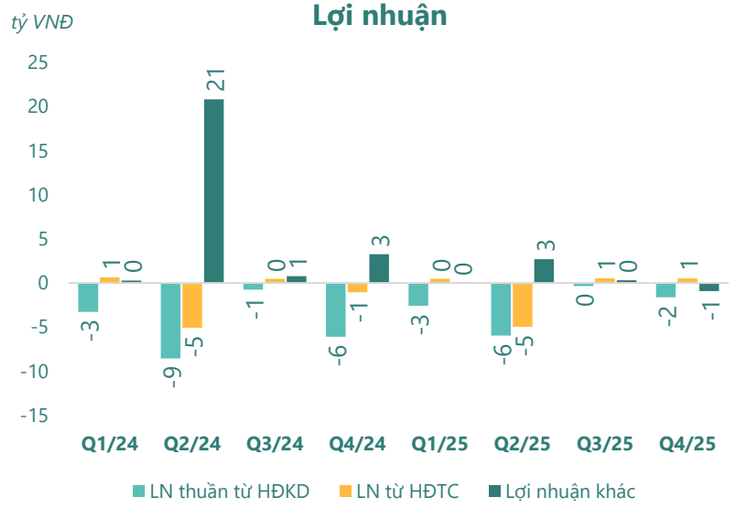

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

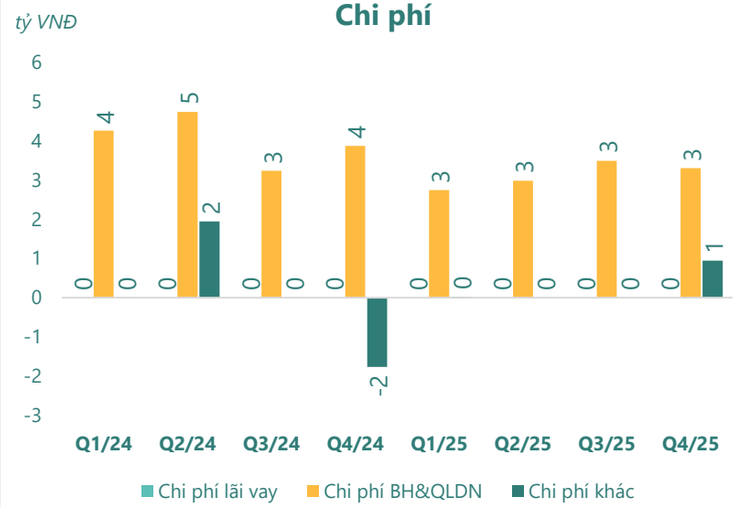

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

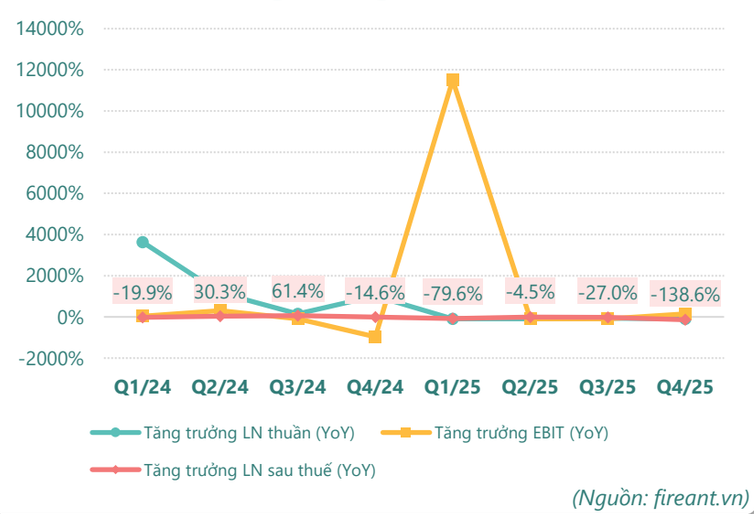

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

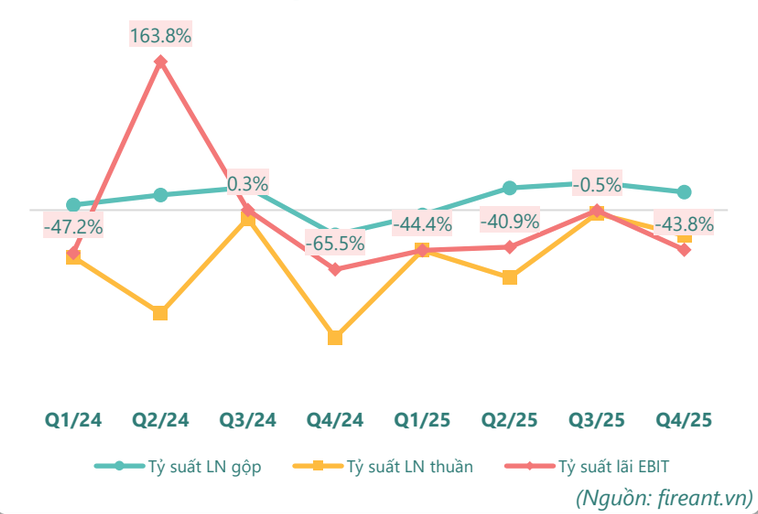

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

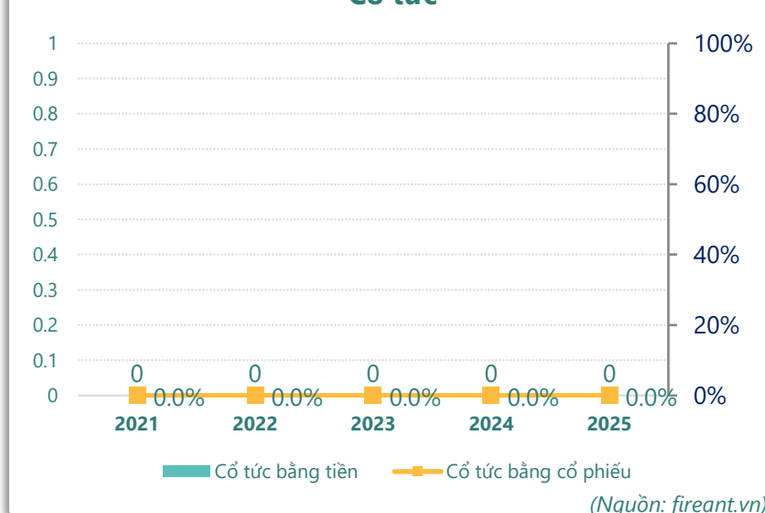

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

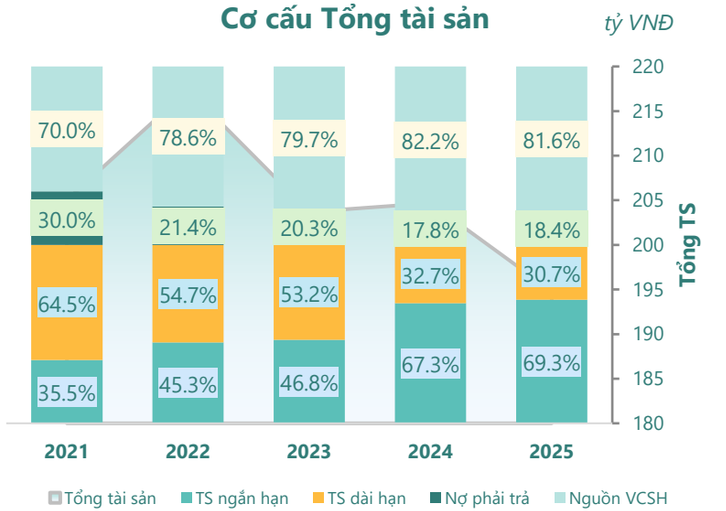

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

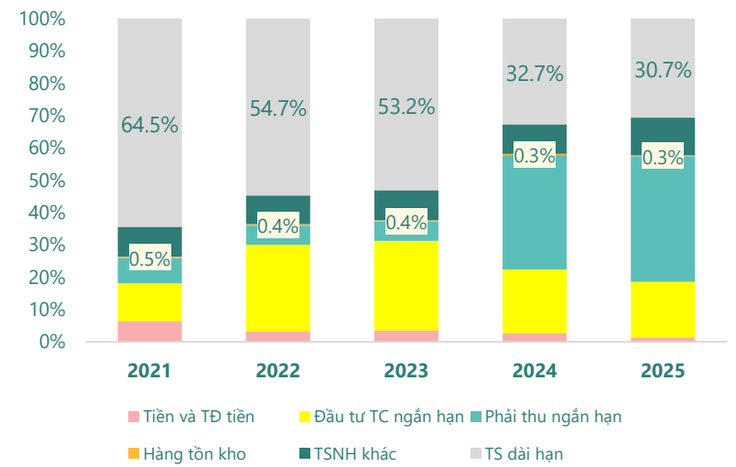

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

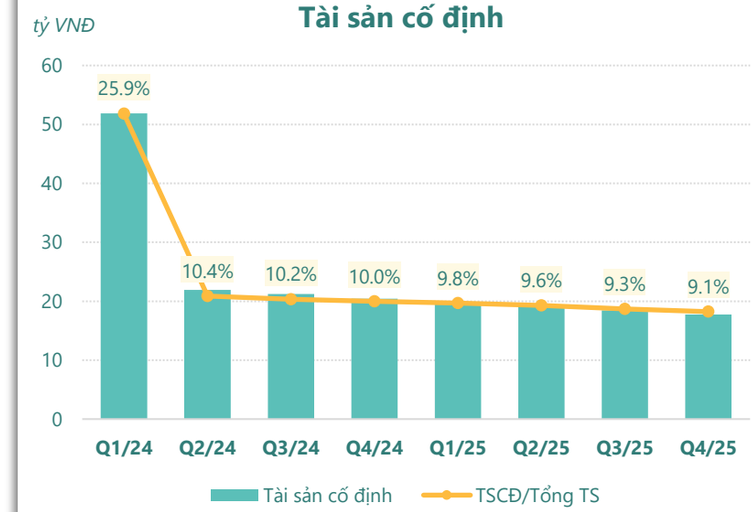

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

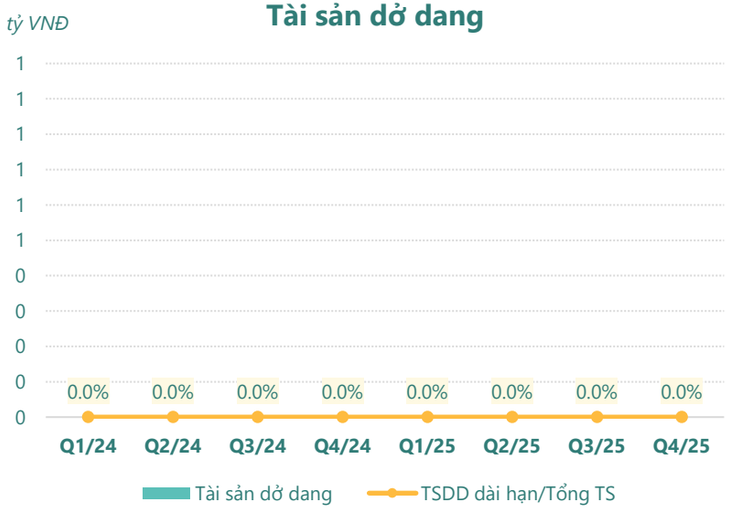

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

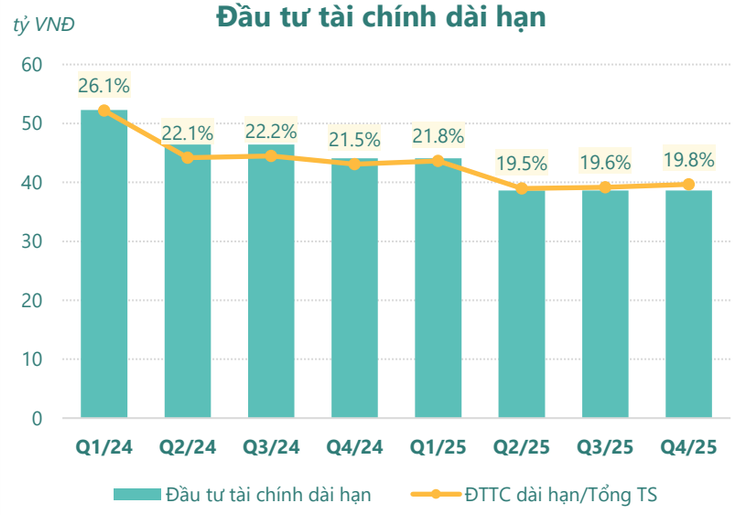

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

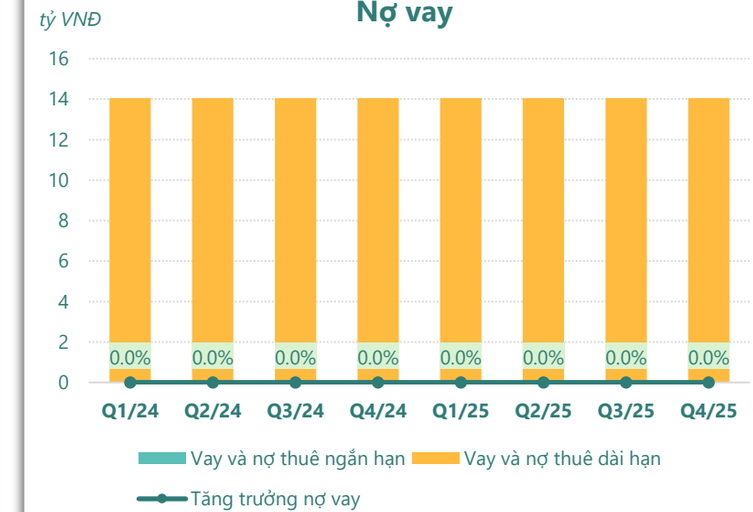

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

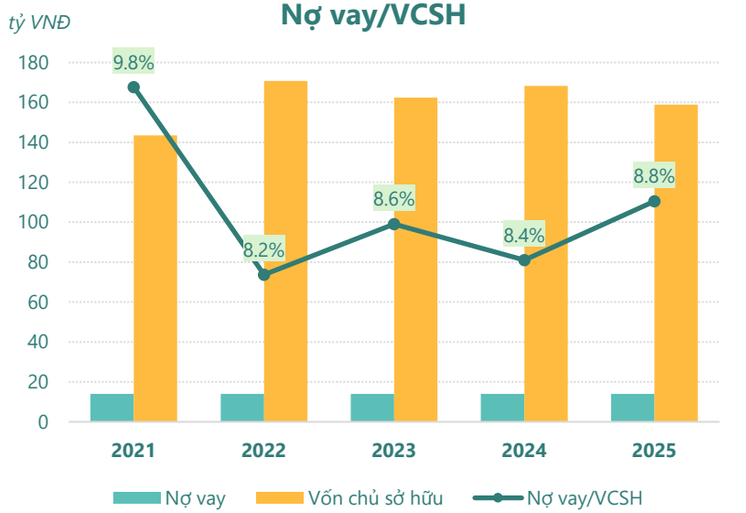

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

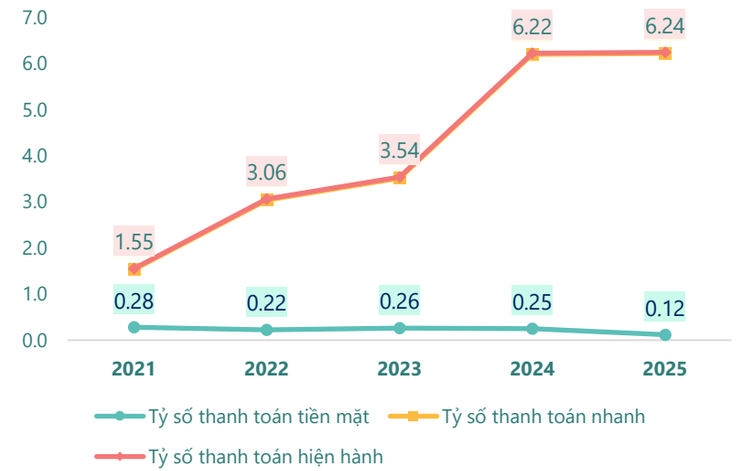

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

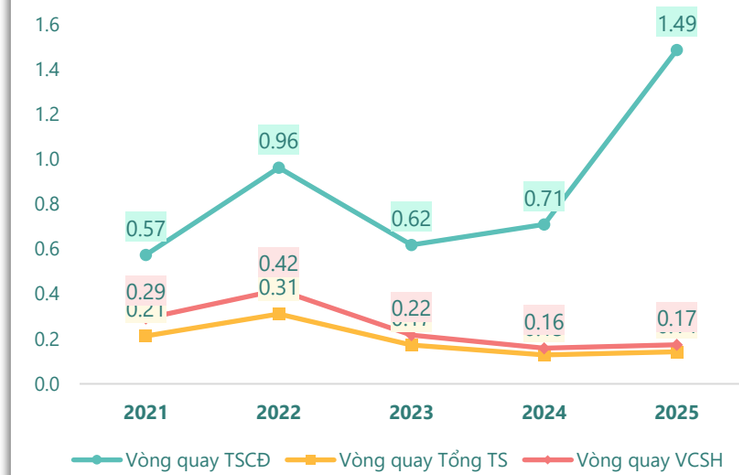

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

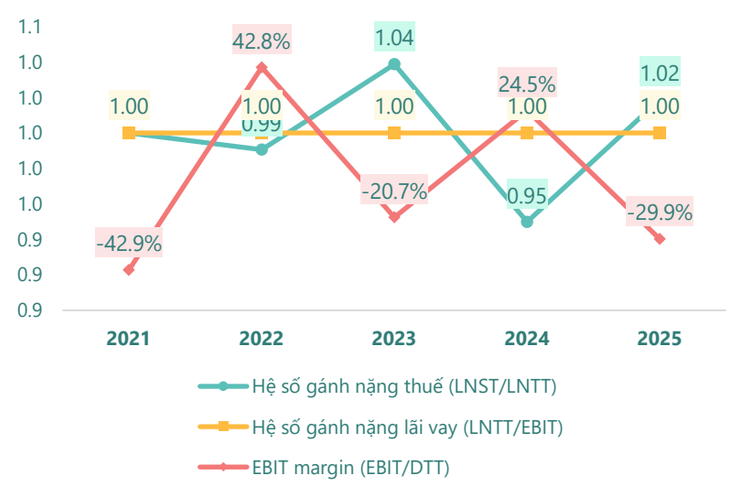

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

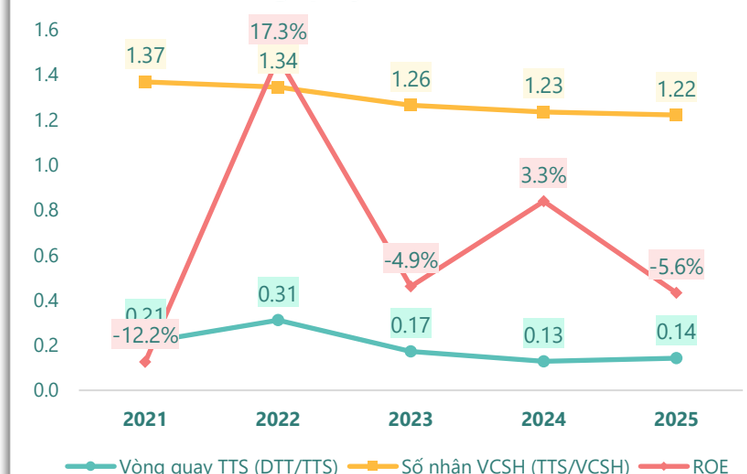

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

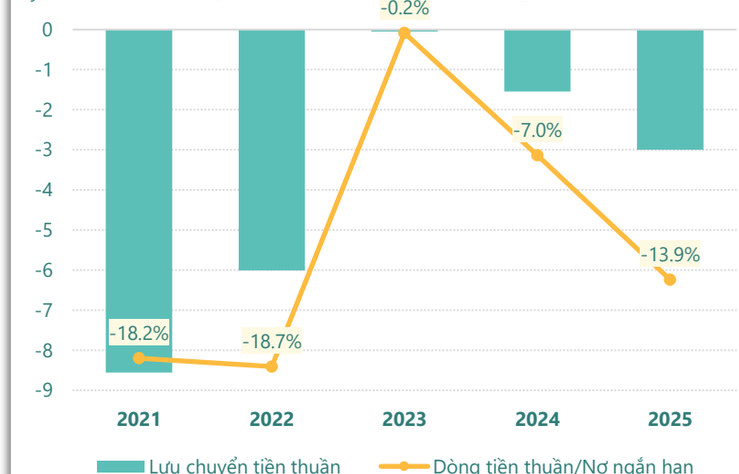

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**5.85**	**4.34**	**34.9%**	**28.4**	**26.3**	**8.1%**
Giá vốn hàng bán	4.69	5.52	-15.1%	22.9	23.8	-3.5%
Lợi nhuận gộp	1.17	-1.18	199%	5.45	2.50	118%
Doanh thu HĐTC	0.51	0.79	-35.6%	2.02	2.67	-24.5%
Chi phí TC	0	1.84	-100%	5.49	7.67	-28.5%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.29	0.20	44.4%	1.11	1.60	-31.0%
Chi phí QLDN	**3.02**	**3.68**	**-18.0%**	**11.4**	**14.6**	**-21.6%**
LN thuần từ HĐKD	-1.63	-6.11	73.3%	-10.5	-18.7	43.5%
Lợi nhuận khác	**-0.93**	**3.26**	**-129%**	**2.05**	**25.1**	**-91.8%**
LN trước thuế	-2.57	-2.84	9.6%	-8.49	6.43	-232%
Lợi nhuận sau thuế	**-2.55**	**-2.89**	**11.9%**	**-8.65**	**6.10**	**-242%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-2.66**	**-3.06**	**13.1%**	**-9.10**	**5.54**	**-264%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-12.4	-5.49	-2.58	0.50	0.01	-9.48
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	11.4	4.06	1.06	3.21	-0.94	6.05
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-0.50	0	-0.33	0
Tiền đầu kỳ	5.97	4.98	5.55	3.53	7.24	5.98
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.99**	**-1.43**	**-2.03**	**3.71**	**-1.26**	**-3.43**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.98	3.55	3.53	7.24	5.98	2.56

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**195**	**205**	**-4.8%**
Tài sản ngắn hạn	135	138	-1.9%
Tiền và tương đương tiền	2.56	5.55	-54.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	33.5	40.2	-16.7%
Phải thu ngắn hạn	75.8	72.5	4.5%
Hàng tồn kho	0.55	0.60	-7.0%
Tài sản ngắn hạn khác	22.6	18.8	20.2%
Tài sản dài hạn	**59.8**	**67.0**	**-10.8%**
Phải thu dài hạn	0.50	0.50	0.0%
Tài sản cố định	17.8	20.5	-13.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	38.6	44.1	-12.4%
Tài sản dài hạn khác	**2.90**	**1.93**	**50.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	35.9	36.4	-1.4%
Nợ ngắn hạn	**21.6**	**22.1**	**-2.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.97	1.06	-9.2%
Nợ dài hạn	14.3	14.3	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	14.1	14.1	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**159**	**168**	**-5.6%**
Vốn chủ sở hữu	**159**	**168**	**-5.6%**
Vốn điều lệ	186	186	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)